SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ DIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ - GIÁO VIÊN - NHÂN VIÊN; TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ DIỆU NĂM HỌC 2022-2023

1. Cán bộ quản lý, tổ trưởng

1.1. Cán bộ quản lý

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Văn bằng cao nhất	Năm tốt nghiệp	Năm vào Ngành	Công tác kiêm nhiệm
1	Dương Văn Thư	Hiệu trưởng	TS	1994	1994	Bí thư CB-Chủ tịch HĐ trường
2	Lê Thị Minh Hà	Phó hiệu trưởng	ĐH	2001	2003	Phó Bí thư Chi bộ
3	Nguyễn Thị Tường Minh	Phó hiệu trưởng	ThS	2010	2010	

1.2. Tổ trưởng

Số TT	Họ và tên	Tổ	Văn bằng cao nhất	Năm tốt nghiệp	Môn	Năm vào ngành
1	Lương Anh Ngọc	Toán	ĐH	1992	Toán	2011
2	Lương Nguyễn Tường Anh	Lý – CN	ĐH	2007	Lý	2009
3	Ngô Thị Kim Hân	Địa	ĐH	1989	Địa	1989
4	Nguyễn Thị Hồng Ân	Sử - GDCD	ĐH	1995	Sử	1995
5	Nguyễn Mạnh Tường	Sinh	ĐH	2000	Sinh	2000
6	Đặng Thị Duyên	Hóa	Ths	2006	Hóa	2006
7	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	Văn	ThS	2013	Văn	2010
8	Trần Linh Phương	TD – QP	ĐH	2002	TD	1989
9	Hoàng Đoan Hạnh	Anh	ĐH	1995	Anh	1996

Số TT	Họ và tên	Tổ	Văn bằng cao nhất	Năm tốt nghiệp	Môn	Năm vào ngành
10	Lê Thị Minh Hà	Tin	ĐH	2001		2003
11	Huỳnh Hữu Mạnh	Văn phòng	ĐH	2012	Kế toán - Kiểm toán	1999
12	Hoàng Thị Giang	GDKT.PL-GDCD	ĐH	2006	GDCT	2011

2. Cơ cấu giáo viên

Số TT	**Tổ bộ môn**	**Giáo viên**		**Đảng viên**	**Số giáo viên**					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng thỉnh giảng	Trình độ chuyên môn			
		TS	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Ngữ văn	12	12	3	10	2	4	8		
2	Lịch sử	4	3		3	1		4		
3	GDKT.PL-GDCD	3	3	1	3			3		
4	Địa lý	4	4	2	4		2	2		
5	Tiếng Anh	9	6		9		1	8		
6	Toán	13	4	1	13		5	8		
7	Vật lý – KTCN	10	6	3	10		5	5		
8	Hóa học	8	6		8		2	6		
9	Sinh học – KTNN	5	3		5			5		
10	Thể dục – GDQP	7	4	1	7			7		
11	Tin học - Nghề PT	5	4		3	2		5		
Cộng		**80**	**55**	**10**	**75**	**5**	**18**	**62**		

3. Cơ cấu nhân viên

Số TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số Cán bộ - Nhân viên					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		TS	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Kế toán	1	1		1			1		
2	Thủ quỹ	1			1			1		
3	Thư viện	1	1		1			1		
4	TB – THTN	1				1			1	
5	CNTT – VP	1			1			1		
6	Văn thư - học vụ - giáo vụ- Hỗ trợ giáo dục HSKT.	2	2	1	2			2		
7	Y tế	1	1			1				1
8	Bảo vệ	3				3				3
9	Phục vụ (lao công)	4	4			4				4
10	Giám thị	2	1			2			1	1
Cộng		**17**	**10**	**1**	**6**	**11**		**6**	**2**	**9**

4. Tổ chức đoàn thể

4.1. Chi bộ:

- Tổng số đảng viên: 15 đồng chí (chính thức: 14; dự bị: 01); trong đó: 12 nữ.

4.2. Công đoàn cơ sở:

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở: 06 đồng chí; tổng số Công đoàn viên: 87 đoàn viên.

4.3. Chi đoàn giáo viên:

Ban Chấp hành Chi đoàn giáo viên: 03 đồng chí; tổng số đoàn viên giáo viên: 8.